

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-08 - 2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn,  
Nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi

2. Ông Lê Thanh An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T - Sinh năm: 1990 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Hẻm 214, đường số 8, phường M, quận Q, tp Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: Lê Minh H - Sinh năm: 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã R, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 26/6/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện T, tỉnh J. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/5/2008 và Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/ mỗi cháu.

Về tài sản chung: chị xác định không có.

Về nợ chung: chị xác định không có.

*\* Quá trình tố tụng bị đơn anh Lê Minh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh H không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải.*

Tại phiên tòa, anh H trình bày: quan hệ hôn nhân đúng như vợ trình bày, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/5/2008 và Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015. Khi ly hôn, anh đồng ý với yêu cầu chị T, để chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/ mỗi cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: anh xác định không có.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T và anh Lê Minh H.

+ Về con chung: giao con chung Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/5/2008 và Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Thoa trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/ mỗi cháu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn,*

Chị T và anh H có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn thị trấn G, huyện T, tỉnh J cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/6/2014 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của anh, chị trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, đời sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ, chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh, chị không tự hàn gắn tình cảm được. Đối với anh H, kể từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa, anh vắng mặt không đến Tòa và không trình bày ý kiến. Tuy nhiên, hôm nay anh có mặt tại phiên tòa và anh trình bày không

hàn gắn tình cảm được và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: anh, chị xác định có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/5/2008 và Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015. Hiện cháu Th và cháu Kh đang sống với chị Thoa. Xét thấy, hai cháu đang do chị T trực tiếp nuôi, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Nay, anh H đồng ý để các con chung sống với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng mỗi cháu. Tại phiên tòa, anh H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn, anh H thuận tình ly hôn nên anh, chị phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào: khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Thoa.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Thoa và anh Lê Minh Huân.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Minh Th, sinh ngày 27/5/2008 và Lê Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 17/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim Thoa trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Th và Kh hàng tháng 2.500.000 đồng mỗi cháu. Thực hiện khi án có hiệu lực cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T phải 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008223 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Anh H phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TPD;
- Chi cục THADS huyện TPD;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn thị trấn G, huyện T, tỉnh J;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Lắm**  
**Đặng Văn Lắm**





